	TỔNG CÔNG TY SONADEZI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM		MẪU SỐ 2
			KQKTCL
			NĂM 2024

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC SÔNG ĐỒNG NAI**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Biên Hòa (ĐĐ: P. Quyết Thắng, CS: 36.000m ³ /ngày)		CNCN Long Bình (ĐĐ: P. Tân Biên, CS: 30.000m ³ /ngày)		CNCN Thiện Tân (ĐĐ: P. Tân Biên, CS: 200.000m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 3	A	9	100	5	100	16	100	

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Nhơn Trạch (ĐĐ: P. Tân Biên, CS: 100.000m ³ /ngày)		CNCN Thạnh Phú (ĐĐ: Xã Thiện Tân, CS: 30.000m ³ /ngày)		CNCN Long Thành		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 3	A	3	100	5	100	/	/	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC HỒ**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Vĩnh An (ĐĐ: Hồ trị An, CS: 4.800m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Núi Le, CS: 7.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Gia Ui, CS: 10.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Ba Giọt, CS: 4.6000m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 3	A	9	100	/	/	/	/	4	100	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Vĩnh An (ĐĐ: TT Trảng Bom, CS: 2.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: TT Tân Phú, CS: 2.500m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 3	A	/	/	6	100	

Ghi chú: Dấu (/): Không thực hiện.

Biên Hòa, ngày 22 tháng 04 năm 2024
TU. GIÁM ĐỐC
TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Võ Thành Phương



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM

MẪU SỐ 1

KQKTCL

Năm: 2024

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 3 THÁNG 04 NĂM 2024

QCVN 01-1: 2018/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
1	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa - Trạm Định Quán.	17/04/2024	-	6.86	0.22	Không mùi, vị lạ	0.65	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
2		Nước sinh hoạt.	Phố 5, ấp 5, xã Phú Vinh.	17/04/2024	-	6.80	0.49	Không mùi, vị lạ	0.55	1.04	0/100ml	0/100ml	Đạt
3		Nước sinh hoạt.	Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán.	17/04/2024	-	6.94	0.30	Không mùi, vị lạ	0.55	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
4		Nước sinh hoạt.	Số 9, ấp 2, xã Phú Lợi, Định Quán.	17/04/2024	-	6.89	0.21	Không mùi, vị lạ	0.60	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
5		Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - Trạm Tân Phú.	17/04/2024	-	6.58	0.04	Không mùi, vị lạ	0.58	0.07	0/100ml	0/100ml	Đạt
6		Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - Trạm Tân Phú.	17/04/2024	-	6.50	0.09	Không mùi, vị lạ	0.60	0.07	0/100ml	0/100ml	Đạt
7		Nước sinh hoạt.	Giếng 3 - Trạm Tân Phú.	17/04/2024	-	6.53	0.07	Không mùi, vị lạ	0.57	0.07	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
8	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	KP10, số 116, Nguyễn Tất Thành.	17/04/2024	–	6.58	0.08	Không mùi, vị lạ	0.62	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
9			Nước sinh hoạt.	KCN Tân Phú.	17/04/2024	–	6.57	0.07	Không mùi, vị lạ	0.61	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
10			Nước sinh hoạt.	KP1, số 200, cây số 123.	17/04/2024	–	6.53	0.08	Không mùi, vị lạ	0.64	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
11	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 198 Phan Đình Phùng, P. Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.08	0.22	Không mùi, vị lạ	0.30	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
12			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Ấp Nhị Hòa, P. Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.14	Không mùi, vị lạ	0.40	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
13			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Đường D5/ Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai (cạnh Bệnh viện ITO Sài Gòn – Đồng Nai).	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.24	Không mùi, vị lạ	0.30	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
14			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 68 Nguyễn Văn Trị, P. Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.08	0.21	Không mùi, vị lạ	0.30	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
15			Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.38	Không mùi, vị lạ	0.40	1.48	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
16	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 02 Nguyễn Du, phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.97	0.33	Không mùi, vị lạ	0.35	1.33	0/100ml	0/100ml	Đạt
17		Nước sinh hoạt.	Ngân hàng Agribank – Số 180 đường 30/4, phường Thanh Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.97	0.26	Không mùi, vị lạ	0.20	2.07	0/100ml	0/100ml	Đạt
18		Nước sinh hoạt.	UBND phường Quang Vinh - đường Nguyễn Ái Quốc, P. Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.98	0.29	Không mùi, vị lạ	0.40	1.18	0/100ml	0/100ml	Đạt
19		Nước sinh hoạt.	UBND phường Quyết Thắng - Võ Thị Sáu, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.35	Không mùi, vị lạ	0.35	1.41	0/100ml	0/100ml	Đạt
20	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 148 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai. (Gần bệnh viện đa khoa Tâm Hồng Phước).	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.13	Không mùi, vị lạ	0.35	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
21		Nước sinh hoạt.	Bệnh viện răng hàm mặt Việt Anh Đức - Số 109, đường Đồng Khởi, P. Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.15	Không mùi, vị lạ	0.40	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
22		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – KP2, P. Hồ Nai, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.99	0.15	Không mùi, vị lạ	0.50	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
23		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 52 Vũ Hồng Phô, P. Bình Đa, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.06	0.13	Không mùi, vị lạ	0.40	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
24	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 248 đường Phan Trung, P. Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.17	Không mùi, vị lạ	0.35	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
25		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 77 Mạc Đình Chi, KP10, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.11	Không mùi, vị lạ	0.40	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
26		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 252/14, KP2, đường Dương Tử Giang, P. Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.12	Không mùi, vị lạ	0.50	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
27		Nước sinh hoạt.	Tầng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.01	0.17	Không mùi, vị lạ	0.40	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
28		Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.97	0.12	Không mùi, vị lạ	0.60	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
29		Nước sinh hoạt.	Tầng áp Thiện Tân 2 – Đường Điều Xiển, KP9, P. Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.14	Không mùi, vị lạ	0.60	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
30		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Hẻm 528 QL1A, KP5, P. Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai (gần bệnh viện nhi Đồng Nai).	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.10	Không mùi, vị lạ	0.45	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
31	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 23D đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai (gần bệnh viện đa khoa Đồng Nai).	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.99	0.11	Không mùi, vị lạ	0.50	0.96	0/100ml	0/100ml	Đạt
32		Nước sinh hoạt.	Trung tâm kiểm soát bệnh tật cơ sở 2 – QL51, P. Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.00	0.13	Không mùi, vị lạ	0.40	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
33		Nước sinh hoạt.	UBND phường Tân Phong – Đường Hồ Hòa, P. Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.99	0.12	Không mùi, vị lạ	0.35	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt
34		Nước sinh hoạt.	KCN Biên Hòa I- Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	6.98	0.16	Không mùi, vị lạ	0.50	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
35		Nước sinh hoạt.	Công ty CP Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2010	7.09	0.13	Không mùi, vị lạ	0.30	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt
36	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Nước sinh hoạt.	KCN Hồ Nai – xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.12	Không mùi, vị lạ	0.45	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
37		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 2 QL1A, P. Tân Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.16	0.72	Không mùi, vị lạ	0.30	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
38		Nước sinh hoạt.	Trạm y tế phường Tân Biên – QL1A, KP5, P. Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.15	0.32	Không mùi, vị lạ	0.40	0.96	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
39	Chi nhánh cấp nước Long Bình	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.66	Không mùi, vị lạ	0.40	1.48	0/100ml	0/100ml	Đạt
40		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 111, KP5A, P. Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.00	0.14	Không mùi, vị lạ	0.30	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
41	Chi nhánh cấp nước Vĩnh An	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	16/04/2024	-	6.81	0.12	Không mùi, vị lạ	0.70	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
42		Nước sinh hoạt.	Trường THCS Vĩnh An, KP6, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/04/2024	-	7.03	0.13	Không mùi, vị lạ	0.60	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
43		Nước sinh hoạt.	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Cửu, KP3, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/04/2024	-	6.94	0.17	Không mùi, vị lạ	0.55	0.96	0/100ml	0/100ml	Đạt
44		Nước sinh hoạt.	Trường mầm non Phong Lan, KP8, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/04/2024	-	6.97	0.13	Không mùi, vị lạ	0.50	1.11	0/100ml	0/100ml	Đạt
45		Nước sinh hoạt.	UBND huyện Vĩnh Cửu, KP2, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/04/2024	-	6.83	0.09	Không mùi, vị lạ	0.50	1.11	0/100ml	0/100ml	Đạt
46		Nước sinh hoạt.	Trường THCS Lê Quý Đôn, KP8, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/04/2024	-	6.92	0.12	Không mùi, vị lạ	0.45	1.18	0/100ml	0/100ml	Đạt

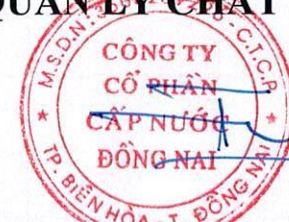
STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
47	Chi nhánh cấp nước Vĩnh An	Nước sinh hoạt.	Huyện ủy Vĩnh Cửu, KP8, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/04/2024	-	6.94	0.16	Không mùi, vị lạ	0.40	1.26	0/100ml	0/100ml	Đạt
48		Nước sinh hoạt.	Trường tiểu học Cây Gáo, KP2, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/04/2024	-	6.73	0.12	Không mùi, vị lạ	0.40	0.96	0/100ml	0/100ml	Đạt
49		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Ấp 1, xã Vĩnh Tân.	16/04/2024	-	6.88	0.15	Không mùi, vị lạ	0.35	1.18	0/100ml	0/100ml	Đạt
50	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	16/04/2024	-	7.05	0.12	Không mùi, vị lạ	0.70	0.96	0/100ml	0/100ml	Đạt
51		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp Vàm, xã Thiện Tân.	16/04/2024	-	7.13	0.15	Không mùi, vị lạ	0.50	0.89	0/100ml	0/100ml	Đạt
52		Nước sinh hoạt.	Trạm giao dịch xã Thạnh Phú.	16/04/2024	-	7.23	0.15	Không mùi, vị lạ	0.40	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
53		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp 5, xã Bình Lợi.	16/04/2024	-	7.22	0.10	Không mùi, vị lạ	0.30	0.81	0/100ml	0/100ml	Đạt
54		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp Bình Ý, xã Tân Bình.	16/04/2024	-	7.18	0.13	Không mùi, vị lạ	0.40	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
55	Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch	Nước sinh hoạt.	KCN Amata - phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.24	Không mùi, vị lạ	0.60	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
56		Nước sinh hoạt.	KCN Loteco - phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	16/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.20	Không mùi, vị lạ	0.60	0.44	0/100ml	0/100ml	Đạt
57		Nước sinh hoạt.	Bể chứa.		17/04/2024	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.14	Không mùi, vị lạ	0.50	0.96	0/100ml	0/100ml

Ghi chú:

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Biên Hòa, ngày 22 tháng 04 năm 2024
TUQ. GIÁM ĐỐC
TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Võ Thành Phương